

Số: 4442/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2013

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 12762/13UBĐ Ngày: 02/12/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
(quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước,
phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức
(quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)

b/c: ND Tuấn
Pho V2, HTET
TT. TTCH.

02/12/2013
CM

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2327/TTr-SQHKT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu quy hoạch: thuộc một phần phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau :

+ Phía Đông giáp : rạch Bình Thủy và Chợ đầu mối phía Đông thành phố.

+ Phía Tây giáp : rạch Vĩnh Bình.

+ Phía Nam giáp : Quốc lộ 13 và Quốc lộ 1A.

+ Phía Bắc giáp : rạch Vĩnh Bình.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 63,35 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: Khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp xây dựng mới.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu:

Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Thủ Đức.

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu:

Công ty TNHH Xây dựng - Kiến trúc miền Nam (ACSA).

4. Hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Thời hạn quy hoạch: đến năm 2020 (theo thời hạn quy hoạch của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức đã được phê duyệt).

5.2. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: 4.900 người.

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người		
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	78	
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở			
	- Đất nhóm nhà ở	m ² /người	57,18	
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở, trong đó:	m ² /người	5,43	
	+ Đất công trình giáo dục	m ² /người	3,24	
	+ Đất công trình công cộng (hành chính, trạm y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...)	m ² /người	2,18	
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (không kể 1 m ² /người đất cây xanh trong nhóm nhà ở)	m ² /người	3,55	
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	9,91	
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	10,96	
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2.500	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,2	
E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng chung	%	30 - 35	
	Hệ số sử dụng đất	lần	khoảng 2,5	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	7
		Tối thiểu	tầng	1

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch được bố trí trong 01 đơn vị ở và các khu chức năng thuộc đơn vị ở (có đan xen các khu chức năng ngoài đơn vị ở) bao gồm:

a. Các khu chức năng thuộc đơn vị ở (tổng diện tích đơn vị ở: 38,22 ha):

a.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (khu ở, nhóm nhà ở): Tổng diện tích 28,02 ha, trong đó:

- Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang: Tổng diện tích 17,47 ha.

- Nhóm nhà ở xây dựng mới: Tổng diện tích 10,55 ha.

a.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: Tổng diện tích 2,66 ha; bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: Tổng diện tích 1,59 ha, trong đó:

+ Trường mầm non xây dựng mới : 0,26 ha.

+ Trường tiểu học : 1,33 ha, gồm:

* Xây dựng mới : 0,86 ha.

* Hiện hữu : 0,47 ha.

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường, y tế,... xây dựng mới: Tổng diện tích 1,07 ha.

a.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi): Tổng diện tích 1,74 ha.

a.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: Tổng diện tích 5,80 ha.

b. Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở, tổng diện tích 25,13 ha:

b.1. Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: (từ đường khu vực trở lên) diện tích 6,49 ha.

b.2. Đất dự trữ phát triển đường sắt: diện tích 5,62 ha.

b.3. Đất cây xanh cảnh quan dọc kênh rạch: diện tích 4,64 ha.

b.4. Kênh rạch: diện tích 4,13 ha.

b.5. Tuyến đê hiện hữu: diện tích 0,43 ha.

b.6. Đất cây xanh cách ly dọc tuyến điện: diện tích 1,53 ha.

b.7. Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối: diện tích 2,29 ha.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	38,22	60,33
I	Đất nhóm nhà ở:	28,02	44,23
1	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	17,47	
2	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	10,55	
II	Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở:	2,66	4,20
1	Đất giáo dục:	1,59	2,51
	- Trường mẫu giáo	0,26	
	- Trường tiểu học	1,33	
2	Đất công trình công cộng (hành chính, y tế, văn hóa, thể dục thể thao,...)	1,07	1,69

III	Đất cây xanh sử dụng công cộng	1,74	2,75
IV	Đất giao thông từ đường cấp phân khu vực	5,80	9,15
B	Đất ngoài đơn vị ở:	25,13	39,67
	- Giao thông từ đường cấp khu vực trở lên	6,49	10,24
	- Đất dự trữ phát triển tuyến đường sắt	5,62	8,87
	- Đất cây xanh cảnh quan dọc kênh	4,64	7,32
	- Kênh rạch	4,13	6,52
	- Tuyến đê hiện hữu	0,43	0,68
	- Đất cây xanh cách ly dọc tuyến điện	1,53	2,42
	- Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	2,29	3,62
Tổng cộng		63,35	100,00

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị					
	Loại đất	Ký hiệu khu đất hoặc ô phố	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
						Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở: (diện tích: 38,22 ha; dự báo quy mô dân số: 4.900 người)	1. Đất đơn vị ở	I						
	1.1. Đất nhóm nhà ở		280.200	37,18				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang:		214.100					
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	3	21.400		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	4	25.100		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	5	7.000		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	6	6.900		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	7	36.500		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	8	28.900		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	9	17.000		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	10	12.500		40	1	7	3,0
	+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	12	12.400		40	1	7	3,0

+ Nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	13	7.000		40	1	7	3,0
- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới:							
+ Nhóm nhà ở xây dựng mới	1	85.100		40	1	7	3,0
+ Nhóm nhà ở xây dựng mới	2	13.500		40	1	7	3,0
+ Nhóm nhà ở xây dựng mới	11	6.900		40	1	7	3,0
1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị		26.600	5,43				
- Đất giáo dục		15.900	3,24				
+ Trường mẫu giáo - nhà trẻ							
* Xây dựng mới.	14	2.600	0,53	40	1	3 (*)	1,2
+ Trường tiểu học							
* Trường tiểu học Đặng Thị Rành	15	4.700	0,96	40	1	4	1,6
* Xây dựng mới	16	8.600	1,75	40	1	4	1,6
+ Công trình công cộng (hành chính, văn hóa, y tế, thể dục thể thao,...)	17	10.700	2,18	40	1	4	1,6
1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng		17.400	3,55				
- Công viên cây xanh	18	3.000	0,61	5	1	1	0,05
- Công viên cây xanh	19	7.700	1,57	5	1	1	0,05
- Công viên cây xanh	20	6.700	1,37	5	1	1	0,05
1.4. Đất giao thông							
- Đất đường giao thông cấp phân khu vực		58.000	9,91 km/km ²				
2. Đất ngoài đơn vị ở		251.300	51,29				
2.1. Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị		22.900	4,67				
- Đất hạ tầng đầu mối	21	20.900					
- Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	22	2.000					
2.2. Đất cây xanh mặt nước							
- Đất cây xanh cảnh quan ven sông, rạch, kênh.		46.400	9,47				

- Đất cây xanh cách ly dọc tuyến điện		15.300	3,12				
2.3. Đất giao thông							
- Đất giao thông từ đường khu vực trở lên		64.900	10,96%				
- Đất dự trữ phát triển tuyến đường sắt		56.200	11,47				
- Tuyến đê bao hiện hữu		4.300	0,88				
2.4. kênh rạch		41.300	8,43				

Ghi chú: (*) Đối với trường mầm non, tầng cao tối đa 03 tầng. Lưu ý: Trong trường hợp thiết kế 03 tầng, cần phải đảm bảo an toàn và thuận tiện cho sinh hoạt của trẻ cũng như yêu cầu đưa đón trẻ hằng ngày và thoát nạn khi có sự cố. Trong trường hợp này, phương án thiết kế phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép - tầng 03 không bố trí lớp học.

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Giữ lại khu dân cư tập trung ổn định, tạo mạng lưới giao thông thông suốt cho toàn khu vực nghiên cứu với các khu lân cận và ngay trong từng ô phố. Các công trình công cộng hiện hữu được giữ lại, cải tạo với mật độ xây dựng và tầng cao xây dựng phù hợp với chức năng công trình. Đồng thời, bố trí thêm một số công trình giáo dục đảm bảo phục vụ cho người dân dựa trên nguyên tắc bảo đảm bán kính phục vụ và hệ thống mạng lưới giáo dục của toàn khu, tận dụng những khu vực đất trống, dân cư thưa, di dời những nghĩa trang nhỏ, những cơ sở sản xuất ô nhiễm ra khỏi khu dân cư để tổ chức công viên cây xanh và bố trí công trình cao tầng (chung cư, cao ốc văn phòng và các công trình dịch vụ khác,...).

- Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đô thị cải tạo bằng cách nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và xây dựng mới một số tuyến để nối kết các khu chức năng với nhau.

- Dọc trục giao thông chính và khu vực, nhằm tạo được bộ mặt kiến trúc đa dạng, phong phú, ưu tiên bố trí các công trình công cộng, chung cư cao tầng.

+ Đối với các khu vực hiện hữu: Tại các khu dân cư được xác định là hiện hữu chính trang thực hiện theo các quy định quản lý kiến trúc đô thị hiện hành. Tuy nhiên, cần khống chế tầng cao tối đa trong khu vực hiện hữu là 5 - 7 tầng (chưa kể tầng lửng và mái che cầu thang - nếu có).

+ Đối với các khu vực phát triển xây dựng mới, bố cục theo các khu vực trọng tâm, các tuyến - điểm:

* Tại trung tâm các khu ở: bố trí các công trình công cộng (kết hợp công viên cây xanh nhằm nâng cao yếu tố cảnh quan) với hình thức kiến trúc và mặt đứng đa dạng phong phú, kết hợp các mảng cây xanh, không chỉ phục vụ cho nội khu mà còn đáp ứng nhu cầu cho cả các khu lân cận trong tương lai.

* Ngoài các khu nhà ở thấp tầng bên trong khu vực, các khu nhà ở chung cư thấp tầng, cao tầng được tập trung ven trục giao thông lớn, tạo nên bố cục tuyến quy mô lớn, phù hợp với các trục giao thông lớn. Bố cục các đơn nguyên chung cư phù hợp điều kiện tự nhiên khí hậu và đạt yêu cầu về thẩm mỹ.

* Các công viên kết hợp sân bãi sinh hoạt thể dục thể thao được bố trí tạo không gian đệm chuyên tiếp giữa các nhóm nhà ở và các phân khu chức năng.

* Bố cục tuyến, điểm sẽ tạo ra những không gian sống sinh động và bền vững.

- Đối với các khu vực tập trung các công trình cao tầng trên các tuyến đường chính, các trục thương mại dịch vụ, trong các giai đoạn tiếp theo, cần nghiên cứu lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị khu vực cụ thể phù hợp cho từng khu vực do đây là một trong các cửa ngõ của thành phố và là trục động lực phát triển đô thị của quận.

- Yêu cầu về kiến trúc công trình trong khu vực quy hoạch:

+ Khu vực quy hoạch phần lớn là khu dân cư hiện hữu cải tạo, tầng cao xây dựng 2 - 7 tầng. Dự kiến xây dựng khu nhà ở xây dựng mới với loại hình nhà ở liên kế phố, liên kế có sân vườn và biệt thự, tầng cao xây dựng 2 - 7 tầng (trong đó biệt thự tầng cao tối đa 3 tầng, không kể tầng lửng và mái che cầu thang).

+ Về khoảng lùi các công trình đối với các trục đường: Khoảng lùi công trình (chỉ giới xây dựng) trên từng lô đất sẽ được xác định cụ thể theo các Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị, các đồ án thiết kế đô thị riêng (sẽ được thiết lập sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt) hoặc căn cứ vào các Quy chuẩn Việt Nam và các Quy định về quản lý kiến trúc đô thị do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 35% - 40%; nhà biệt thự, nhà vườn: 30% - 50%, nhà phố liên kế: 70% - 90%, công trình công cộng: 40%.

+ Các công trình kiến trúc được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng, hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của khu đô thị.

8. Quy hoạch giao thông đô thị:

a) Giao thông đường bộ: Mạng lưới giao thông của đồ án phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức và Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế (trên cơ sở quy hoạch mạng giao thông chung quận Thủ Đức kết hợp hiện trạng các trục đường đã có và địa hình khu vực).

- Quy hoạch các tuyến giao thông đối ngoại: Quốc lộ 13, Quốc lộ 1A.

- Về giao thông đối nội: là các tuyến đường phân khu vực chi tiết các tuyến được mô tả trong bảng thống kê giao thông dưới đây:

STT	Tên đường	Giới hạn		Mặt cắt ngang đường (mét)		
		Từ...	Đến...	Lề đường	Lòng đường	Lề đường
1	Đường B	Cổng vào dự án	Đường số 12	4,5	11	4,5
2	Đường A	Đường số 12	đường dọc tuyến điện	4	8	4
4	Đường số 1					
	- Đoạn 1	Ranh QH phía Đông	Đường số 12	4,5	11	4,5
	- Đoạn 2	Đường số 12	Đường B	3,5	7	3,5
5	Đường số 12	Quốc Lộ 13	Đường số 1	4,5	11	4,5
6	Đường số 10	Quốc Lộ 13	Đường số 1	4	8	4
7	Đường số 2	Đường song hành (nút giao)	Đường A	4	8	4

* Ghi chú:

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu này.

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m thuộc quy hoạch lộ giới hẻm, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức căn cứ theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố để xác định cụ thể. Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo.

- Bán kính cong tại các giao lộ và chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án cụ thể.

b) Về giao thông đường sắt (quốc gia): Theo định hướng của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức được phê duyệt tại khu vực này có tuyến đường sắt quốc gia (tuyến phía Tây thành phố Hồ Chí Minh) đi theo hành lang Quốc lộ 1A và phía Bắc khu quy hoạch (một phần trong hành lang an toàn rạch Bình Thủy và rạch Vĩnh Bình).

9. Giải pháp tổ chức tái định cư: Thực hiện theo dự án đầu tư được duyệt đúng quy định.

10. Những hạng mục ưu tiên đầu tư; các vấn đề về tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Ngay sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt, việc triển khai thực hiện như sau:

a) Các hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng và cây xanh, ưu tiên các công trình giáo dục.

- Đầu tư xây dựng các khu nhà ở tập trung, cao tầng.

- Thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội còn lại.

b) Về tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

- Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, các cơ quan quản lý đầu tư phát triển đô thị căn cứ vào đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) này được phê duyệt để làm cơ sở xác định, lập kế hoạch thực hiện các khu vực phát triển đô thị để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực quy hoạch; các chủ đầu tư, tổ chức, đơn vị có liên quan cần tuân thủ các nội dung đã được nêu trong đồ án quy hoạch phân khu này và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và đơn vị khảo sát đo đạc lập bản đồ hiện trạng hoặc cơ quan cung cấp bản đồ chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, các cơ quan, đơn vị có liên quan cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án, theo đó, các dự án phát triển nhà ở mới hoặc dự án tái thiết đô thị cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến

trúc để có kế hoạch tổ chức lập các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định, phù hợp với nội dung đồ án hoặc lập các đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hoặc các đồ án thiết kế đô thị riêng tại các khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực đặc trưng, khu vực cảnh quan đặc thù, khu vực dọc các tuyến đường quan trọng mang tính chất động lực phát triển.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân quận Thủ Đức cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

- Chậm nhất 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nội dung quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ phân quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của đồ án, trình thẩm định, phê duyệt bổ sung theo quy định.

- Sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân quận Thủ Đức cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nội dung quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

- Do nội dung quy hoạch giao thông của đồ án này đã được nghiên cứu, thiết lập phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức đã được phê duyệt trước thời điểm Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2013 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn sau năm 2020, nên trong trường hợp khi triển khai thiết kế cắm mốc giới, thực hiện các dự án giao thông vận tải theo Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2013, trường hợp có sự khác biệt về hướng tuyến, vị trí,... thì đồ án quy hoạch quy hoạch phân khu này cần được cập nhật và thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định.

- Trong phạm vi khu vực đồ án quy hoạch này (giữa Sông Vĩnh Bình và Quốc lộ 13) có một phần đất giáp sông Vĩnh Bình thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư và chợ đầu mối phía Đông thành phố đã được Kiến trúc sư Trưởng thành phố phê duyệt tại Quyết định số 139/KTST-QH ngày 5 tháng 01 năm 2000. Do đó, khi đồ án quy hoạch này được phê duyệt sẽ điều chỉnh một phần nội dung (đối với phần đất nằm trong ranh của đồ án quy hoạch này) của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư và chợ đầu mối phía Đông thành phố.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hiệp Bình Phước, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 38

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tín